

Số: 11/2024/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO
ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 22/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1960

Địa chỉ: Đường C, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số I, đường C, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Nguyễn Thúy V, sinh năm 1962

4. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

5. Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

6. Bà Diệp Hoàng D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông Đ, bà V, bà Ú, ông T và bà D: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố H, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Đào Văn L - Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh V1 và công sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn An D1, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1: Bà Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1990 (theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2023)

Địa chỉ: P Hồ L, H, H, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D1: Luật sư Lê Văn T1 - Công ty L3, Luật sư Tp ..

Địa chỉ: Tầng G, số I Đ, phường Đ, Quận A, Tp ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thu H2, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số A, đường C, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Huỳnh Thị Thu P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Huỳnh Thị Thu L1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1986

5. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

6. Ông Mai Xuân T2, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

7. Ông Lê Minh H3, sinh năm 1983

Địa chỉ: K, phường Đ, Tp ., tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Số I H, khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

8. Bà Lê Thị B, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số A N, khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Nguyễn Nhựt T3, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

9. Vườn Quốc gia Phú Quốc

Địa chỉ: Ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

10. Bà Phạm Thị Hồng L2, sinh năm 1957

Địa chỉ: Đường 30/4, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Ấp Cây Thông Trong, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

11. Ủy ban nhân dân tỉnh K

Địa chỉ: Số F N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Tại đơn kháng cáo ngày 09/6/2023, bị đơn ông Nguyễn An D1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 06/8/2019, các nguyên đơn là ông Nguyễn Công K, Nguyễn Công Đ, Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thúy V, Nguyễn Thị Ú và Diệp Hoàng D khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 32.255,3m² và 01 căn nhà gỗ trên đất, thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P là di sản của cha mẹ là ông Nguyễn An B1 và bà Huỳnh Thái G. Đồng thời, chia đều di sản trên bằng hiện vật cho 09 người con, mỗi người một phần bằng nhau tương đương 3.583,9m²/phần/người.

[2] Ngày 27/7/2020, các nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu công nhận diện tích đất 7.000m² (có cạnh giáp với diện tích 32.255,3m² nêu trên và giáp

suối) tại ấp C, xã C, thành phố P là di sản của cha mẹ là ông Nguyễn An B1 và bà Huỳnh Thái G. Đồng thời, chia đều di sản trên bằng hiện vật cho 09 người con, mỗi người một phần bằng nhau tương đương $777,78\text{m}^2/\text{phần/người}$ và yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất lập ngày 04/7/2019 giữa ông Nguyễn An D1 với ông Mai Xuân T2 đối với phần diện tích thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 56, diện tích $32.255,3\text{m}^2$.

[3] Ngày 22/12/2021, các nguyên đơn khởi kiện bổ sung lần hai yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K475649 ngày 18/6/1998 do UBND tỉnh K cấp cho Ban Q1 (nay là Vườn Quốc gia P).

[4] Ngày 06/7/2020, bị đơn Nguyễn An D1 có đơn phản tố yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn trong việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 38.000m^2 (trong đó đo đạc tại sơ đồ 14 là $32.255,3\text{m}^2$ và phần chưa đo đạc dọc bờ suối là $5.744,7\text{m}^2$) do vợ chồng ông D1 khai khẩn, quản lý và sử dụng từ năm 1986, tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P; yêu cầu ông Thư H2 tháo dỡ toàn bộ cơ sở vật dựng xây dựng trái phép trên phần đất của ông D1 và trả lại toàn bộ diện tích đất chiếm giữ trái phép khoảng 4.500m^2 ; yêu cầu ông Thư H2 bồi thường thiệt hại cây trồng với số tiền 163.400.000 đồng.

[5] Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã thụ lý các yêu cầu nêu trên của các đương sự.

[6] Xét thấy, các nguyên đơn cho rằng diện tích đất $32.255,3\text{m}^2$ thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 56 và diện tích đất 7.000m^2 (có cạnh giáp với diện tích $32.255,3\text{m}^2$ nêu trên và giáp suối) tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P thuộc quyền sử dụng của cha mẹ nguyên đơn là Nguyễn An B1 và bà Huỳnh Thái G khi còn sống nên yêu cầu công nhận diện tích đất nêu trên là di sản của ông B1, bà G và chia thừa kế theo pháp luật; đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K475649 ngày 18/6/1998 do UBND tỉnh K cấp cho Ban Q1 (nay là Vườn Quốc gia P) đối với phần đất tranh chấp.

Bị đơn là ông Nguyễn An D1 cho rằng diện tích đất trên là tài sản do vợ chồng ông tạo lập từ năm 1986 nên có đơn phản tố yêu cầu tòa án bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; yêu cầu ông Thư H2 tháo dỡ toàn bộ cơ sở vật dựng xây dựng trái phép trên phần đất của ông D1 và trả lại toàn bộ diện tích đất chiếm giữ trái phép khoảng 4.500m^2 ; yêu cầu ông Thư H2 bồi thường thiệt hại cây trồng với số tiền 163.400.000 đồng.

Tại Công văn số 184/VQG-DLST&CHSV ngày 13/4/2022, Vườn Quốc gia P xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K475649 ngày 18/6/1998 do UBND tỉnh K cấp cho Ban

Q1 và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không tiếp nhận khởi kiện vì diện tích đất các đương sự tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Vườn quốc gia P.

Như vậy, giữa các đương sự nêu trên không có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng đều cho rằng phía các đương sự có quyền sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp, trong khi hiện nay Vườn Quốc Gia P là cơ quan đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý đất. Nguyên đơn cũng có yêu cầu tranh chấp với Vườn Quốc Gia P. Do đó, để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn thì cần phải xác định ai là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” mới đúng.

[7] Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: *“Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015”*.

[8] Hồ sơ vụ án thể hiện có biên bản hòa giải ngày 16/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã C giữa ông Nguyễn An D1 với ông Nguyễn Công K, Nguyễn Công Đ, Nguyễn Thư H2, bà Nguyễn Thúy V, Nguyễn Thị Ú và Diệp Hoàng D (BL 15). Tuy nhiên, diện tích đất tranh chấp theo biên bản hòa giải ngày 16/11/2018 chỉ là 32.255,3m², còn phần diện tích 7.000m² có cạnh giáp với diện tích 32.255,3m² nêu trên và giáp suối tọa lạc tại ấp C, xã C, thành phố P mà các nguyên đơn cũng có yêu cầu trong vụ án này chưa được hòa giải. Hơn nữa, biên bản hòa giải này cũng không có sự tham gia của ông Nguyễn Công T và Vườn Quốc Gia Phú Q.

[9] Đối chiếu quy định pháp luật với phân tích trên, việc các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông D1, Vườn Quốc gia P và yêu cầu phản tố của bị đơn thuộc trường hợp chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 nên chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật khi đã

đủ các điều kiện khởi kiện. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D1, giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp là có cơ sở chấp nhận.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn An D1 sinh năm 1957 là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định pháp luật án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn An D1.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 22/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn An D1 được miễn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Kiên Giang (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
- Các đương sự (18);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 29b (QĐ-PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy